

THÔNG BÁO

Về việc mở bán nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (đợt 2)

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 610/TB-SDN/NOXH ngày 19/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng về việc mở bán nhà ở xã hội tại dự án Chung cư Nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (đợt 2).

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP, Sở Xây dựng thông báo thông tin mở bán nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside như sau:

1. Tên dự án: Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng.

3. Địa điểm: Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quy mô dự án: Quy mô công trình: Công trình gồm 06 tháp chung cư (khối CT6, CT7, CT8 và CT9 cao 20 tầng; khối CT5 và CT10 cao 21 tầng nổi) + tum thang + 01 tầng hầm chung cho 06 tháp. Tổng số căn hộ chung cư: 1.809 căn hộ (1.165 căn hộ nhà ở xã hội để bán; 348 căn hộ nhà ở thương mại để bán và 296 căn hộ nhà ở xã hội cho thuê); Diện tích căn hộ từ: 45m² đến 93m²;

5. Thông tin căn hộ mở bán đợt 2

- Số lượng: 274 căn hộ thuộc Tòa nhà CT5.

- Diện tích căn hộ: từ 45m² đến 70m².

- Giá bán căn hộ: 16.061.000 đồng/m² (Giá bán đã bao gồm thuế GTGT 5%, chưa bao gồm chi phí bảo trì 2%).

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày ban hành Thông báo này đến hết thời gian tiếp nhận hồ sơ.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký đợt 2: **Từ ngày 15/02/2023 đến 25/02/2023.**

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Ban Quản lý dự án Chung cư Nhà ở xã hội tại lô B4-2 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside. (Đường Mê Linh rẽ vào đường Huỳnh Dạng 500m, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng). Điện thoại: 0945.438.998. Hotline: 0948.643.688 – 0904.643.688. Email: noxhbautram@gmail.com. Ngày làm việc: từ thứ 2 ÷ sáng thứ 7 (trừ ngày lễ). Thời gian: Sáng từ 8h30 ÷ 11h00; Chiều từ 14h00 ÷ 16h30.

7. Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội

Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 10 Điều 49 Luật Nhà ở, cụ thể:

- Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (khoản 4 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 5 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân (khoản 6 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 7 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở (khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở (khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở).

8. Điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội

Hồ sơ chứng minh đối tượng, điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 51 Luật Nhà ở, Điều 16 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP của Chính phủ và chính sách của thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa có quyền sử dụng đất ở, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng.

- Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Đà Nẵng hoặc tạm trú 01 năm trở lên tại thành phố Đà Nẵng (đối với trường hợp tạm trú tại Đà Nẵng thì phải có bản sao giấy xác nhận đăng ký tạm trú và giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội từ 01 năm trở lên tại thành phố Đà Nẵng nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội).

- Đối với đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

9. Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và khoản 16, 17 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và Thông tư số 09/2021/TT-BXD (*Đính kèm biểu mẫu hồ sơ*).

10. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng;

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức bốc thăm do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp có đối tượng đảm bảo quy định là người có công với cách mạng hoặc người khuyết tật thì được ưu tiên mua nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ của 02 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ nhà ở xã hội. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm.

11. Lưu ý

- Người mua nhà ở xã hội không được phép thế chấp (trừ trường hợp thế chấp với ngân hàng để vay tiền mua chính căn hộ đó) và không được chuyển nhượng nhà ở dưới mọi hình thức trong thời gian tối thiểu là 05 năm kể từ thời điểm trả hết tiền mua nhà ở theo hợp đồng đã ký với bên bán; chỉ được phép bán lại, thế chấp hoặc cho thuê sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Kể từ thời điểm người mua nhà ở xã hội được phép bán nhà ở xã hội cho các đối tượng có nhu cầu thì ngoài các khoản phải nộp khi thực hiện bán nhà ở theo quy định của pháp luật, bên bán căn hộ nhà chung cư phải nộp cho Nhà nước 50% giá trị tiền sử dụng đất được phân bổ cho căn hộ đó; trường hợp bán nhà ở xã hội thấp tầng liền kề phải nộp 100% tiền sử dụng đất, tính theo giá đất do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành tại thời điểm bán nhà ở.

Sở Xây dựng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết, thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Báo Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- CTCP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng;
- Lưu: VT, QL (H).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Hoàng

BẢNG GIÁ BÁN NHÀ Ở XÃ HỘI
TÒA NHÀ CT5 - CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI LÔ ĐẤT B4-2
THUỘC KHU ĐÔ THỊ XANH BÀU TRÀM LAKESIDE

STT	TOÀ	TẦNG	MÃ CĂN	Số PN	DIỆN TÍCH THÔNG THUỶ (m2)	GIÁ BÁN CĂN HỘ (đồng)	2% PHÍ BẢO TRÌ (đồng)	TỔNG GIÁ TRỊ CĂN HỘ (đã bao gồm thuế VAT và phí bảo trì) (đồng)
1	CT5	2	CT5-CH02.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
2	CT5	2	CT5-CH02.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
3	CT5	2	CT5-CH02.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
4	CT5	2	CT5-CH02.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
5	CT5	2	CT5-CH02.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
6	CT5	2	CT5-CH02.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
7	CT5	2	CT5-CH02.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
8	CT5	2	CT5-CH02.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
9	CT5	2	CT5-CH02.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
10	CT5	2	CT5-CH02.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
11	CT5	2	CT5-CH02.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
12	CT5	2	CT5-CH02.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
13	CT5	2	CT5-CH02.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
14	CT5	2	CT5-CH02.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
15	CT5	2	CT5-CH02.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
16	CT5	3	CT5-CH03.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
17	CT5	3	CT5-CH03.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
18	CT5	3	CT5-CH03.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
19	CT5	3	CT5-CH03.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
20	CT5	3	CT5-CH03.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
21	CT5	3	CT5-CH03.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
22	CT5	3	CT5-CH03.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
23	CT5	3	CT5-CH03.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
24	CT5	3	CT5-CH03.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
25	CT5	3	CT5-CH03.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
26	CT5	3	CT5-CH03.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
27	CT5	3	CT5-CH03.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351

28	CT5	3	CT5-CH03.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
29	CT5	3	CT5-CH03.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
30	CT5	3	CT5-CH03.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
31	CT5	4	CT5-CH04.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
32	CT5	4	CT5-CH04.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
33	CT5	4	CT5-CH04.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
34	CT5	4	CT5-CH04.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
35	CT5	4	CT5-CH04.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
36	CT5	4	CT5-CH04.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
37	CT5	4	CT5-CH04.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
38	CT5	4	CT5-CH04.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
39	CT5	4	CT5-CH04.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
40	CT5	4	CT5-CH04.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
41	CT5	4	CT5-CH04.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
42	CT5	4	CT5-CH04.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
43	CT5	4	CT5-CH04.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
44	CT5	4	CT5-CH04.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
45	CT5	4	CT5-CH04.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
46	CT5	5	CT5-CH05.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
47	CT5	5	CT5-CH05.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
48	CT5	5	CT5-CH05.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
49	CT5	5	CT5-CH05.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
50	CT5	5	CT5-CH05.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
51	CT5	5	CT5-CH05.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
52	CT5	5	CT5-CH05.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
53	CT5	5	CT5-CH05.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
54	CT5	5	CT5-CH05.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
55	CT5	5	CT5-CH05.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
56	CT5	5	CT5-CH05.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
57	CT5	5	CT5-CH05.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
58	CT5	5	CT5-CH05.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
59	CT5	5	CT5-CH05.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
60	CT5	5	CT5-CH05.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659

61	CT5	6	CT5-CH06.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
62	CT5	6	CT5-CH06.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
63	CT5	6	CT5-CH06.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
64	CT5	6	CT5-CH06.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
65	CT5	6	CT5-CH06.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
66	CT5	6	CT5-CH06.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
67	CT5	6	CT5-CH06.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
68	CT5	6	CT5-CH06.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
69	CT5	6	CT5-CH06.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
70	CT5	6	CT5-CH06.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
71	CT5	6	CT5-CH06.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
72	CT5	6	CT5-CH06.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
73	CT5	6	CT5-CH06.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
74	CT5	6	CT5-CH06.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
75	CT5	6	CT5-CH06.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
76	CT5	7	CT5-CH07.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
77	CT5	7	CT5-CH07.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
78	CT5	7	CT5-CH07.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
79	CT5	7	CT5-CH07.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
80	CT5	7	CT5-CH07.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
81	CT5	7	CT5-CH07.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
82	CT5	7	CT5-CH07.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
83	CT5	7	CT5-CH07.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
84	CT5	7	CT5-CH07.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
85	CT5	7	CT5-CH07.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
86	CT5	7	CT5-CH07.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
87	CT5	7	CT5-CH07.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
88	CT5	7	CT5-CH07.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
89	CT5	7	CT5-CH07.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
90	CT5	7	CT5-CH07.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
91	CT5	8	CT5-CH08.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
92	CT5	8	CT5-CH08.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
93	CT5	8	CT5-CH08.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659

94	CT5	8	CT5-CH08.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
95	CT5	8	CT5-CH08.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
96	CT5	8	CT5-CH08.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
97	CT5	8	CT5-CH08.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
98	CT5	8	CT5-CH08.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
99	CT5	8	CT5-CH08.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
100	CT5	8	CT5-CH08.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
101	CT5	8	CT5-CH08.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
102	CT5	8	CT5-CH08.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
103	CT5	8	CT5-CH08.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
104	CT5	8	CT5-CH08.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
105	CT5	8	CT5-CH08.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
106	CT5	9	CT5-CH09.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
107	CT5	9	CT5-CH09.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
108	CT5	9	CT5-CH09.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
109	CT5	9	CT5-CH09.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
110	CT5	9	CT5-CH09.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
111	CT5	9	CT5-CH09.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
112	CT5	9	CT5-CH09.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
113	CT5	9	CT5-CH09.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
114	CT5	9	CT5-CH09.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
115	CT5	9	CT5-CH09.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
116	CT5	9	CT5-CH09.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
117	CT5	9	CT5-CH09.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
118	CT5	9	CT5-CH09.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
119	CT5	9	CT5-CH09.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
120	CT5	9	CT5-CH09.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
121	CT5	10	CT5-CH10.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
122	CT5	10	CT5-CH10.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
123	CT5	10	CT5-CH10.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
124	CT5	10	CT5-CH10.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
125	CT5	10	CT5-CH10.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
126	CT5	10	CT5-CH10.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351

127	CT5	10	CT5-CH10.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
128	CT5	10	CT5-CH10.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
129	CT5	10	CT5-CH10.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
130	CT5	10	CT5-CH10.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
131	CT5	10	CT5-CH10.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
132	CT5	10	CT5-CH10.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
133	CT5	10	CT5-CH10.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
134	CT5	10	CT5-CH10.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
135	CT5	10	CT5-CH10.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
136	CT5	11	CT5-CH11.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
137	CT5	11	CT5-CH11.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
138	CT5	11	CT5-CH11.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
139	CT5	11	CT5-CH11.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
140	CT5	11	CT5-CH11.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
141	CT5	11	CT5-CH11.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
142	CT5	11	CT5-CH11.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
143	CT5	11	CT5-CH11.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
144	CT5	11	CT5-CH11.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
145	CT5	11	CT5-CH11.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
146	CT5	11	CT5-CH11.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
147	CT5	11	CT5-CH11.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
148	CT5	11	CT5-CH11.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
149	CT5	11	CT5-CH11.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
150	CT5	11	CT5-CH11.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
151	CT5	11A	CT5-H11A.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
152	CT5	11A	CT5-H11A.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
153	CT5	11A	CT5-H11A.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
154	CT5	11A	CT5-H11A.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
155	CT5	11A	CT5-H11A.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
156	CT5	11A	CT5-H11A.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
157	CT5	11A	CT5-H11A.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
158	CT5	11A	CT5-H11A.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
159	CT5	11A	CT5-H11A.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351

160	CT5	11A	CT5-H11A.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
161	CT5	11A	CT5-H11A.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
162	CT5	11A	CT5-H11A.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
163	CT5	11A	CT5-H11A.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
164	CT5	11A	CT5-H11A.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
165	CT5	11A	CT5-H11A.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
166	CT5	12	CT5-CH12.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
167	CT5	12	CT5-CH12.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
168	CT5	12	CT5-CH12.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
169	CT5	12	CT5-CH12.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
170	CT5	12	CT5-CH12.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
171	CT5	12	CT5-CH12.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
172	CT5	12	CT5-CH12.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
173	CT5	12	CT5-CH12.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
174	CT5	12	CT5-CH12.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
175	CT5	12	CT5-CH12.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
176	CT5	12	CT5-CH12.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
177	CT5	12	CT5-CH12.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
178	CT5	12	CT5-CH12.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
179	CT5	12	CT5-CH12.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
180	CT5	12	CT5-CH12.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
181	CT5	14	CT5-CH14.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
182	CT5	14	CT5-CH14.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
183	CT5	14	CT5-CH14.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
184	CT5	14	CT5-CH14.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
185	CT5	14	CT5-CH14.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
186	CT5	14	CT5-CH14.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
187	CT5	14	CT5-CH14.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
188	CT5	14	CT5-CH14.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
189	CT5	14	CT5-CH14.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
190	CT5	14	CT5-CH14.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
191	CT5	14	CT5-CH14.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
192	CT5	14	CT5-CH14.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351

193	CT5	14	CT5-CH14.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
194	CT5	14	CT5-CH14.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
195	CT5	14	CT5-CH14.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
196	CT5	15	CT5-CH15.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
197	CT5	15	CT5-CH15.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
198	CT5	15	CT5-CH15.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
199	CT5	15	CT5-CH15.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
200	CT5	15	CT5-CH15.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
201	CT5	15	CT5-CH15.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
202	CT5	15	CT5-CH15.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
203	CT5	15	CT5-CH15.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
204	CT5	15	CT5-CH15.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
205	CT5	15	CT5-CH15.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
206	CT5	15	CT5-CH15.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
207	CT5	15	CT5-CH15.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
208	CT5	15	CT5-CH15.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
209	CT5	15	CT5-CH15.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
210	CT5	15	CT5-CH15.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
211	CT5	16	CT5-CH16.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
212	CT5	16	CT5-CH16.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
213	CT5	16	CT5-CH16.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
214	CT5	16	CT5-CH16.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
215	CT5	16	CT5-CH16.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
216	CT5	16	CT5-CH16.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
217	CT5	16	CT5-CH16.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
218	CT5	16	CT5-CH16.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
219	CT5	16	CT5-CH16.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
220	CT5	16	CT5-CH16.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
221	CT5	16	CT5-CH16.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
222	CT5	16	CT5-CH16.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
223	CT5	16	CT5-CH16.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
224	CT5	16	CT5-CH16.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
225	CT5	16	CT5-CH16.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659

226	CT5	17	CT5-CH17.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
227	CT5	17	CT5-CH17.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
228	CT5	17	CT5-CH17.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
229	CT5	17	CT5-CH17.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
230	CT5	17	CT5-CH17.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
231	CT5	17	CT5-CH17.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
232	CT5	17	CT5-CH17.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
233	CT5	17	CT5-CH17.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
234	CT5	17	CT5-CH17.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
235	CT5	17	CT5-CH17.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
236	CT5	17	CT5-CH17.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
237	CT5	17	CT5-CH17.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
238	CT5	17	CT5-CH17.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
239	CT5	17	CT5-CH17.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
240	CT5	17	CT5-CH17.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
241	CT5	18	CT5-CH18.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
242	CT5	18	CT5-CH18.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
243	CT5	18	CT5-CH18.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
244	CT5	18	CT5-CH18.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
245	CT5	18	CT5-CH18.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
246	CT5	18	CT5-CH18.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
247	CT5	18	CT5-CH18.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
248	CT5	18	CT5-CH18.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
249	CT5	18	CT5-CH18.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
250	CT5	18	CT5-CH18.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
251	CT5	18	CT5-CH18.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
252	CT5	18	CT5-CH18.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
253	CT5	18	CT5-CH18.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
254	CT5	18	CT5-CH18.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
255	CT5	18	CT5-CH18.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
256	CT5	19	CT5-CH19.01	1	45.60	732,381,600	13,950,126	746,331,726
257	CT5	19	CT5-CH19.02	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
258	CT5	19	CT5-CH19.03	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659

259	CT5	19	CT5-CH19.04	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
260	CT5	19	CT5-CH19.05	2	59.40	954,023,400	18,171,874	972,195,274
261	CT5	19	CT5-CH19.06	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
262	CT5	19	CT5-CH19.07	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
263	CT5	19	CT5-CH19.08	1	47.30	759,685,300	14,470,196	774,155,496
264	CT5	19	CT5-CH19.09	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
265	CT5	19	CT5-CH19.10	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
266	CT5	19	CT5-CH19.11	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
267	CT5	19	CT5-CH19.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
268	CT5	19	CT5-CH19.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
269	CT5	19	CT5-CH19.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
270	CT5	19	CT5-CH19.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659
271	CT5	20	CT5-CH20.12	2	59.70	958,841,700	18,263,651	977,105,351
272	CT5	20	CT5-CH20.14	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
273	CT5	20	CT5-CH20.15	3	69.70	1,119,451,700	21,322,890	1,140,774,590
274	CT5	20	CT5-CH20.16	2	59.60	957,235,600	18,233,059	975,468,659

**PHỤ LỤC I. CÁC MẪU GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC
HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI KHÔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 53 LUẬT NHÀ Ở**

Mẫu số 01. Mẫu đơn đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký¹: Mua Thuê Thuê mua

Kính gửi²:

Họ và tên người viết đơn:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp
ngày...../...../..... tại.....

Nghề nghiệp³:.....

Nơi làm việc⁴:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁵ tại:

Là đối tượng⁶:.....

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁷, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ*).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau⁸: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. □

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ □

- Khó khăn về nhà ở khác⁹ (ghi rõ nội dung)

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức tại dự án:

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộm² (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng m² (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

..... ngày tháng năm.....

Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu....

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

⁵ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁶ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

⁷ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

Mẫu số 02. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại
Khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ
CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã¹⁰:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp
ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)¹¹ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người¹², bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau¹³:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất

ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác¹⁴ (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày thángnăm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã¹⁵ về:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng

2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình đúng như nội dung đề nghị.

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống./.

(ký tên, đóng dấu)

¹⁰ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

¹¹ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

¹² Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

¹³ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

¹⁴ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

¹⁵ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu số 03. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Kính gửi¹⁶:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/.../... tại

Nghề nghiệp: Nơi làm việc¹⁷:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)¹⁸ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người¹⁹, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng²⁰:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau²¹:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác²² (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... Ngày tháng năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị về đối tượng:

Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

(ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã về thực trạng nhà ở:

Tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình đúng như nội dung của người đề nghị

(ký tên, đóng dấu)

¹⁶ Gửi UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên để xác nhận về điều kiện nhà ở, đất ở. Gửi cơ quan, đơn vị đang công tác để xác nhận về đối tượng.

¹⁷ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

¹⁸ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

¹⁹ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

²⁰ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

²¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

²² Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

Mẫu số 04. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI THU NHẬP THẤP, HỘ NGHÈO, CẠN NGHÈO TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÃ NGHỈ VIỆC, NGHỈ CHẾ ĐỘ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã²³

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày
.../.../... tại

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)²⁴ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người²⁵, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng²⁶:

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau²⁷:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người
- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)
- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư.

- Khó khăn về nhà ở khác²⁸ (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã²⁹ về:

1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội:

2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình đúng như nội dung đề nghị.

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(ký tên, đóng dấu)

²³ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

²⁴ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

²⁵ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

²⁶ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

²⁷ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

²⁸ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

²⁹ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu số 05. Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG
ĐÃ TRẢ LẠI NHÀ Ở CÔNG VỤ**

Kính gửi³⁰:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày
.../.../..... tại

Nghề nghiệp:.....

Chức vụ:.....

Nơi làm việc³¹:

Nơi ở hiện tại³²:.....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)³³ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người³⁴, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại³⁵.....

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

**1 Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
nơi đang làm việc/trước khi nghỉ
hưu:**

**Ông/Bà chưa có nhà ở tại nơi sinh
sống sau khi đã trả lại nhà ở công vụ**
(ký tên, đóng dấu)

**2. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan,
đơn vị quản lý nhà ở công vụ của
người đề nghị:**

Ông/Bà đã trả lại nhà ở công vụ
(ký tên, đóng dấu)

³⁰ Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị xác nhận.

³¹ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³² Nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

³³ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

³⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

³⁵ Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

Mẫu số 06. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 9 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, DẠY NGHỀ; HỌC SINH TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ CÔNG LẬP

Kính gửi³⁶:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Thẻ sinh viên (CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/...../..... tại

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào tạo:

Địa chỉ cơ sở đào tạo:

Niên khóa học:

Tôi cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào. Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày tháng năm.....
Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ sở đào tạo³⁷ về:

1. Ông/Bà là đối tượng (Học sinh, sinh viên học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập):

2. Ông/Bà chưa được thuê nhà ở nhà ở tại nơi học tập.
(ký tên, đóng dấu)

³⁶ Gửi cơ sở đào tạo nơi đang học tập.

³⁷ Ghi tên cơ sở đào tạo.

Mẫu số 07. Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi về việc chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC
NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG BẰNG NHÀ Ở, ĐẤT Ở**

Kính gửi³⁸:

Họ và tên người đề nghị được xác nhận³⁹:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày
...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴⁰ tại:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau⁴¹:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư

(ký tên, đóng dấu)

³⁸ Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

³⁹ Tên người đề nghị xác nhận đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

⁴⁰ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

Mẫu số 08. Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng đối tượng quy định tại
 Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:.....
 CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp
 ngày...../...../..... tại

Nơi ở hiện tại⁴²:.....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴³ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁴⁴, bao gồm:

1. Họ và tên:..... CMND số là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:..... CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:..... CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

4. Họ và tên:..... CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị).....

5.....

Là đối tượng⁴⁵:

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm.....

Người kê khai
 (ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc.

Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

⁴² Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴³ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

⁴⁵ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

Mẫu số 09. Mẫu giấy tự kê khai về Điều kiện thu nhập đối với các đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY TỰ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP⁴⁶

Họ và tên người kê khai:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số....

cấp ngày /...../ tại

Nơi ở hiện tại⁴⁷:.....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴⁸ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình:..... người⁴⁹, bao gồm:

1. Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

5.....

Là đối tượng⁵⁰:.....

.....

Tôi và những người trong hộ gia đình có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..., ngày... tháng..... năm.....

Người kê khai

(ký, ghi rõ họ tên)

⁴⁶ Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

⁴⁷ Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴⁸ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴⁹ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

⁵⁰ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng

1. Tên cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin :

..... Sinh năm :

Số CMND/ CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Họ và tên (vợ/chồng) : Sinh năm :

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Địa chỉ :.....

.....

3. Số điện thoại, địa chỉ mail :

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp :

- Đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường rà soát tình trạng nhà ở, đất ở của chúng tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

- Hoàn thiện thủ tục xác nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ, sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

- Nhận văn bản xác nhận có dấu của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường.

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu :

.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU

(Ký và ghi họ tên cả vợ và chồng)

Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố. Trước khi các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến UBND cấp xã, phường để xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở theo quy định thì phải có giấy xác nhận sở hữu nhà, đất của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng. Do đó, đề nghị các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng (địa chỉ: số 24 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu) để được xác nhận về nhà ở, đất ở trên địa bàn thành phố (theo mẫu số 1A).

Mẫu số 1B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HỒ SƠ KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
NĂM.....

Kính gửi: - Cục Thuế thành phố Đà Nẵng
- Chi cục Thuế.....

Tôi tên là: Sinh năm :

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Họ và tên (vợ/chồng) : Sinh năm :

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Địa chỉ :.....

Để có cơ sở hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kính đề nghị quý cơ quan Thuế xác nhận hồ sơ kê khai thuế thu nhập cá nhân của tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi họ tên)

Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố về việc rà soát thuế thu nhập cá nhân đối với các trường hợp đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

Các đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà trước khi ngoài việc thực hiện mẫu giấy kê khai về điều kiện thu nhập, phải từ thực hiện tra cứu mã số thuế cá nhân của mình, làm đơn theo mẫu và liên hệ cơ quan thuế đang quản lý để được xác nhận của cơ quan thuế về mức thu nhập có nộp thuế thu nhập thường xuyên hay không (**theo Mẫu 1B**).

Mã số thuế cá nhân tra cứu tại trang: <http://tongcucthue.org/tra-cuu-ma-thue-thu-nhap-ca-nhan-online-tncnonline/>.

- Thuế thu nhập cá nhân cần kê khai trước hai năm kể từ thời điểm nộp đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội (ví dụ: thời điểm nộp đơn năm 2020 thì phải kê khai thuế thu nhập cá nhân năm 2018 và 2019).

- Trường hợp cả vợ và chồng cùng một cơ quan thuế quản lý có thể xác nhận trên cùng một mẫu đơn.

- Trường hợp cá nhân không đăng ký mã số thuế hoặc mã số thuế được cấp và quản lý bởi cơ quan thuế ngoài thành phố Đà Nẵng thì người có đơn đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội có biên bản cam kết tự chịu trách nhiệm về kê khai thuế thu nhập cá nhân của mình.